

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2023.
V/v: “Ly hôn giữa chị C và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hải Anh.

Ông Trần Xuân Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C; Sinh năm: 1987(*Vắng mặt*)

Nơi ĐKKHKT: Xóm 7, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Đội 8, xã Ng, huyện N 1, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T; Sinh năm: 1982(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Xóm 7, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2023 và toàn bộ quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn vào ngày 30/01/2007, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 04 con chung là Phạm Kim C1, sinh ngày 04/01/2008, Phạm Ngọc D, sinh ngày 19/02/2010, Phạm Kim T, sinh ngày 20/02/2012 và Phạm Đức P, sinh ngày 29/11/2015. Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án cho chị được nuôi cả 4 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp có tranh chấp về con thì chị đề nghị được nuôi cháu Phạm Kim C1 và Phạm Đức Đ. Trong trường hợp, anh T đề nghị nuôi một cháu thì chị sẽ nuôi 3 cháu còn lại và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện chị đang bán phở thu nhập bình quân một tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị C vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 24/5/2023, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị C kết hôn vào ngày 30/01/2007, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Nay chị C xin ly hôn, anh đồng ý. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 04 con chung là Phạm Kim C1, sinh ngày 04/01/2008, Phạm Ngọc D, sinh ngày 19/02/2010, Phạm Kim T, sinh ngày 20/02/2012 và Phạm Đức P, sinh ngày 29/11/2015. Hiện các con chung lúc ở cùng anh, lúc ở cùng chị. Nay ly hôn, anh đề nghị được nuôi hai con và chị C nuôi hai con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Nếu chị C có nguyện vọng nuôi 4 con, anh không đồng ý. Nếu các con muốn ở cùng anh thì anh sẽ nuôi cả 4 con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm nghề thầy cúng thu nhập mỗi tháng 20.000.000 đồng. Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, anh Phạm Văn T vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương cho thấy: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị C và anh T, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn T. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi hai con chung là Phạm Kim C1, sinh ngày 04/01/2008 và Phạm Đức P, sinh ngày 29/11/2015. Giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi hai con chung là Phạm Ngọc D, sinh ngày 19/02/2010, Phạm Kim T, sinh ngày 20/02/2012. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị Cúc, anh T có quyền thăm nom con chung khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn T kết hôn vào ngày 30 tháng 01 năm 2007, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Anh chị có thời gian sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh T nhất trí. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa chị C và anh T nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Phạm Văn T.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 04 con chung là Phạm Kim C1, sinh ngày 04/01/2008, Phạm Ngọc D, sinh ngày 19/02/2010, Phạm Kim T, sinh ngày 20/02/2012 và Phạm Đức P, sinh ngày 29/11/2015. Hiện các con chung lúc ở cùng anh, lúc ở cùng chị. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của đương sự cũng như nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử thấy: Cần giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi hai con chung là Phạm Kim C1, sinh ngày 04/01/2008 và Phạm Đức P, sinh ngày 29/11/2015. Giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi hai con chung là Phạm Ngọc D, sinh ngày 19/02/2010, Phạm Kim T, sinh ngày 20/02/2012 là phù hợp. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị Cúc, anh T có quyền thăm nom con chung khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Cúc, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung chưa thành niên: Giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi hai con chung là Phạm Kim C1, sinh ngày 04/01/2008 và Phạm Đức P, sinh ngày 29/11/2015. Giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi hai con chung là Phạm Ngọc D, sinh ngày 19/02/2010, Phạm Kim T, sinh ngày 20/02/2012 là phù hợp. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị Cúc, anh T có quyền thăm nom con chung khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0000501 ngày 10/5/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

